

## TÂM THỨC ỨNG XỬ VỚI BIỂN CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ QUA LỄ HỘI PHƯỚC BIỂN (CHRÔI RUMCHEK) – TIẾP CẬN SINH THÁI VĂN HÓA

PHAN THỊ YẾN TUYẾT

### TÓM TẮT

*Sinh thái văn hóa (Cultural Ecology) là khái niệm đề cập đến cách con người sử dụng văn hóa để thích nghi với môi trường thiên nhiên cụ thể trong bối cảnh nền văn hóa của họ. Con người “thích ứng” với sinh thái tự nhiên tại chỗ để sinh tồn là những quan điểm được sử dụng nhiều trong nghiên cứu nhân học sinh thái hiện nay. Như vậy Lễ hội Cúng phước biển (Chrôi Rumchek) của người Khmer ở vùng biển Vĩnh Châu thực chất là cầu no ấm và cầu bình an cho phum, srock, xóm làng, cầu cuộc sống được sung túc và sở dĩ diễn ra hiện tượng cúng kiếng hay sử dụng biểu tượng rumchek (lá dừa gai) để trừ tà ma là do cộng đồng cư dân này sống ở môi trường thiên nhiên còn bất trắc, nguy hại. Lễ hội Chrôi Rumchek cho thấy người Khmer đã cố gắng thích nghi với môi trường sinh thái và phụ thuộc vào nó để tồn tại, đây cũng là một cách lý giải hành vi văn hóa của con người đối với môi trường tự nhiên, là một quá trình tương tác giữa văn hóa của cư dân nông nghiệp, cư dân ven biển với môi trường tự nhiên biển cả. Chính điều này đã xác lập mối quan hệ giữa con người với tự*

*nhiên, trong đó đặc biệt thể hiện sự giao lưu văn hóa về văn hóa biển (ví dụ người Khmer cũng thờ cúng cá Ông thành kính giống ngư dân người Việt tại vùng biển Nam Bộ).*

1. Tập quán chung và chủ yếu của người Khmer Nam Bộ là hoạt động nông nghiệp, họ rất hiếm sinh sống ở vùng biển và làm nghề biển, trừ một vài bộ phận cư dân Khmer ở vùng biển Sóc Trăng, Kiên Giang... Nhưng có lẽ chỉ có ở Sóc Trăng là nơi điển hình nhất về một cộng đồng người Khmer “bám biển”, sinh sống khá lâu đời về nghề biển. Trong quá khứ, 3 huyện ven biển của Sóc Trăng là Vĩnh Châu, Long Phú, Cù lao Dung<sup>(1)</sup> phân cách nhau ở 3 cửa sông Mỹ Thanh, Tranh Đề và Định An, là nơi tiếp nhận các dòng di dân của người Khmer, Việt và Hoa đến định cư, thành lập phum srock, xóm làng, hội quán... trong số đó, cộng đồng người Việt đến đây đông nhất và là lực lượng lao động chính trong những thời kỳ khai phá, xây dựng. Các cộng đồng này canh tác nông nghiệp rẫy trồng hoa màu trên đất giồng ven biển, đánh bắt cá tôm ở vùng cửa sông và ven bờ biển Đông (Võ Công Nguyễn, 2010). Chưa rõ vì nguyên nhân nào lại có một bộ phận người Khmer cư trú

Phan Thị Yến Tuyết. Phó Giáo sư tiến sĩ.  
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn  
Thành phố Hồ Chí Minh.

khá tập trung dọc theo bờ biển của các xã thuộc huyện Vĩnh Châu (tỉnh Sóc Trăng) như xã Vĩnh Hải, Vĩnh Châu, Vĩnh Phước, Vĩnh Tân, Lai Hòa... để sống về nghề biển ven bờ, trong khi họ lại là cư dân thuần nông? Các phum srock của cộng đồng người Khmer này phân bố đan xen với 8 ngôi chùa Khmer, dọc dài ven biển huyện Vĩnh Châu như chùa Trà Sêk, Đay Ta pay, Sla Pô thi, Crò săng, Đôm Thnôt, Phno Pôl, Xung thum, Prây chóp.

2. Bài viết này vận dụng lý thuyết sinh thái văn hóa (Cultural Ecology) để tìm hiểu sự thích nghi của cộng đồng ngư dân và cư dân Khmer trong môi trường sinh thái tự nhiên vùng biển của Sóc Trăng nói riêng và Nam Bộ nói chung.

Sinh thái văn hóa là quá trình thích ứng giữa môi trường xã hội của một tộc người với môi trường tự nhiên xung quanh. Sinh thái văn hóa của một tộc người còn là sự nhận thức về thế giới quan, phương thức sản xuất, phương thức sinh hoạt, cấu trúc xã hội, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán... Sinh thái tự nhiên bao gồm đất đai tự nhiên, sông suối ao hồ, rừng rậm, động thực vật, hệ thống thủy lợi, điều kiện khí hậu và nguồn tài nguyên tự nhiên khác. Thông qua sự nhận thức hợp lý về môi trường sinh thái tự nhiên, con người quyết định phương thức sản xuất và lựa chọn hình thức cư trú, hành vi ứng xử và kế ước nhất định với thế giới tự nhiên (Nguyễn Minh Đức, 2008, tr. 28).

Quan điểm hệ sinh thái tự nhiên và khái niệm "thích ứng", hoặc thích nghi, là những quan điểm được sử dụng nhiều trong nghiên cứu nhân học sinh thái hiện nay. Khái niệm thích ứng được nhà nhân học

Mỹ Julian H. Steward đề cập trong phương pháp nghiên cứu sinh thái học vào những năm 20 của thế kỷ XX. Steward dùng khái niệm *thích ứng/thích nghi* để lý giải hành vi văn hóa của con người đối với môi trường tự nhiên. Điều này có nghĩa là sự biến đổi và thích ứng văn hóa là một quá trình tương tác giữa văn hóa với môi trường tự nhiên. Khái niệm thích ứng không chỉ xác định vai trò, vị trí của con người trong hệ sinh thái tự nhiên mà còn xác lập mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Trong công trình *Tính thích ứng của con người - Dẫn luận nhân học sinh thái* (Human Adaptability: An Introduction to Ecological Anthropology), xuất bản năm 2000, nhà nhân học Mỹ Emilio F. Moran chỉ ra phương pháp nghiên cứu *nhân học sinh thái* là giải quyết vấn đề con người với môi trường tự nhiên trên phạm vi rộng, định chế xã hội và cách thức giải quyết vấn đề môi trường trước đây, không chỉ nghiên cứu cơ chế thích ứng của con người với môi trường, mà còn dùng những nghiên cứu định tính để trả lời những vấn đề *Con người làm thế nào để điều tiết bản thân thích ứng với sự biến đổi môi trường?* (Nguyễn Minh Đức, 2008, tr. 32).

Chúng tôi thấy thể hiện rất rõ người Khmer đã cố gắng thích nghi cuộc sống của mình với môi trường tự nhiên tại chỗ. Trong số 8 ngôi chùa Khmer dọc vùng biển này, người Khmer đã đặt tên cho chùa của mình sắc thái của biển như "*Chrôi Rumchek*" (*chrôi* là đất bồi vào từ biển, *rumchek* là loại dứa gai mọc trên đất bồi của rừng ngập mặn ven biển), thể hiện sinh thái của vùng biển tại chỗ, hay chùa còn có tên Khmer là "*Buôl smâk*" (tiếng Khmer *smâk* là biển), còn tên tiếng Paly của chùa là "*Ptum sakor*

srei phnor buôl", (có nghĩa là *Bông sen biển tự do trên giồng*). Như vậy những từ *Chrôi Rumchek, Buôl smâk, sakor...* đều thể hiện yếu tố biển trong cuộc sống của người Khmer. Nơi đây có những xóm chài như xóm chài nhỏ gần chùa Crò Săng với khoảng 100 hộ, trong đó 70% là người Khmer. Điểm đặc trưng là họ không đi đánh bắt bằng tàu thuyền ngoài biển khơi mà họ chỉ đi bộ dọc biển để đẩy *xiệp*<sup>(2)</sup>... Cho đến đầu thế kỷ XX, theo *Monographie de la Province de Soc Trang* (1904), cộng đồng cư dân đa tộc người ở tỉnh Sóc Trăng, nhất là người Khmer không đánh bắt cá biển (Võ Công Nguyễn, 2010)<sup>(3)</sup>. Ban đầu họ chỉ bắt cá tôm ở sông Bassac (Ba Thắc) và cá chày từ biển bơi ngược theo dòng sông này vào mùa khô. Theo Lê Hương, người Khmer có đánh bắt cá trắng trên sông để làm mắm prahóc (bò hóc) (Võ Công Nguyễn, 2010)<sup>(4)</sup>. Họ có sử dụng ghe xuồng làm phương tiện vận chuyển và đánh bắt cá tôm trong sông rạch, nhưng *không sử dụng ghe xuồng làm phương tiện đánh bắt cá tôm trên biển*. Người Khmer hướng ra biển có giới hạn ở độ sâu không quá 2<sup>m</sup> bằng cách lội bộ (khi nước rút) để thu lượm nghêu sò ven bờ biển Đông, hoặc đi *cà khiêu* đánh bắt cá tôm khi nước ròng (nước lớn). Họ dùng *xiệp* lưới dày bắt ruốc và *xiệp* lưới thưa bắt tôm, cá lù đù, cá bẹ, bắt nghêu, sò bằng cào, bằng móc và bắt cua bằng lưới, "tháng chướng bắt nghêu, tháng nôm bắt sò", ngoài ra họ còn bắt ba khía ven biển để bổ sung vào cơ cấu bữa ăn hàng ngày của gia đình và bán cho các vựa ở địa phương. Trong quá trình ứng xử và thích nghi với môi trường ở vùng đất giồng ven biển, cộng đồng người Khmer còn khai thác một số nguồn

tài nguyên thiên nhiên của vùng này như hái lượm các loại rau, khai thác gỗ cây rừng ngập mặn và săn bắt chim, nhất là *chim cồn* - loại chim sinh sống trên các cồn trong vùng cửa sông và ven biển Đông (Võ Công Nguyễn, 2010).

3. *Vậy tâm thức về biển của người Khmer tại vùng biển Vĩnh Châu thể hiện như thế nào qua lễ hội Cầu an và Cúng phước biển (Chrôi Rumchek)* được tổ chức vào ngày 14 và 15 tháng 2 (Âm lịch) hàng năm?

Ý nghĩa cốt lõi nhất của lễ hội Cúng phước biển (Chrôi rumchek) không hẳn là lễ hội cầu ngư của ngư dân hay cầu siêu cho những người tử nạn ngoài biển khơi như trên một vài sách, báo đã viết. Thực chất đây là *lễ cầu an* của cộng đồng người Khmer. Tên của lễ hội Cúng phước biển (Chrôi Rumchek) bắt nguồn từ một từ của tiếng Khmer là *rumchek*, đó là *dừa gai*, một loại thực vật mọc hoang rất nhiều trên đất bồi ngập mặn ở vùng biển với những chiếc lá khá dài, hai bên rìa lá tua tua gai nhọn. Cách nay 200 năm Chrôi rumchek cũng là tên của một phum khá lớn của người Khmer sống bằng nghề rẫy và nghề đẩy *xiệp* ven biển Vĩnh Châu. Loại lá đầy gai nhọn này được người Khmer địa phương lấy làm biểu tượng cho việc trừ độc, trừ tà ma tại môi trường thiên nhiên ở vùng biển mà họ sinh sống<sup>(5)</sup>. Trong quá trình nghiên cứu về văn hóa của người Khmer, chúng tôi nhận thấy dưới góc độ *sinh thái văn hóa (Cultural Ecology)*, cư dân Khmer đã vận dụng nhiều loại thực vật có gai nhọn tại địa phương với niềm tin rằng chúng có chức năng trừ tà ma<sup>(6)</sup>. Tại vùng biển này lá dừa gai tua tua gai nhọn hai bên rìa lá nhằm để ngăn chặn cụ thể loại tà ma nào?

Qua khảo sát, chúng tôi biết được trước đây (hiện nay vẫn còn nhưng ít hơn) tại vùng ven biển Vĩnh Châu khi người dân xuống biển đẩy *xiệp* thường gặp *con nhện biển*, tiếng Khmer là *con tik al* (hay còn gọi là *con pil piêng*), một loại nhện độc sống ở môi trường nước biển tại Vĩnh Châu. *Con tik al* là loại động vật biển có râu, thân mềm, gần giống như con bạch tuộc, khi ai chạm vào nó hoặc tiếp xúc với nước biển có hòa lẫn chất độc của nó sẽ bị phỏng cháy da, đau nhức và da sẽ nhiễm trùng, lở loét, hoại tử. Không phải không có người đã chết vì nhiễm trùng do độc tố của *con tik al* này. Hàng năm khi biển êm, vào khoảng tháng 3, tháng 4 Âm lịch, *con tik al* rất nhiều. Như vậy, *lễ hội Cúng phước biển của người Khmer Vĩnh Châu là một dạng lễ hội liên quan đến môi trường sinh thái có vật độc hại, gây tai họa cho người đi biển và cư dân sống vùng biển*, đây là nguyên nhân chính của lễ hội cầu an của cư dân vùng biển Vĩnh Châu. Người Khmer không phải ngư dân đánh bắt cá chuyên nghiệp trên tàu thuyền như người Việt mà họ chủ yếu chỉ đẩy *xiệp* và ngấm mình trực tiếp xuống nước biển ven bờ nên mới dễ bị nhiễm độc bởi nhện biển<sup>(7)</sup>. Sống ở môi trường nào (đồng ruộng, rừng núi, biển cả...) người Khmer cũng đều làm lễ hội cầu an cho cuộc sống của họ ở môi trường ấy, do đó, việc người Khmer cúng kiếng, tổ chức lễ hội Cúng phước biển tại vùng biển Vĩnh Châu thực chất cũng là một hình thức cầu an nơi môi trường sinh sống ở vùng biển. Vì vậy trong lễ hội Cúng phước biển, người Khmer dùng cây dứa gai (rumchek) là biểu tượng để trấn áp sự độc hại từ *con tik al* và cúng *thần Têvôđa biển*, xin thần ngăn chặn nạn triều cường tại vùng biển

này. Ngoài ra ý nghĩa của lễ cầu an còn nhằm cầu mong sự no ấm, thu hoạch thủy hải sản ven bờ được thuận lợi... Điều này cho thấy trong quá trình sinh tồn của mình, con người phụ thuộc rất nhiều vào tự nhiên.

Theo quan điểm *sinh thái văn hóa (Cultural Ecology)* của nhà nhân học Mỹ Julian Steward, xã hội có kỹ thuật sinh tồn càng thô sơ thì xã hội đó càng phụ thuộc nhiều vào tự nhiên (bởi vì ở những xã hội có trình độ khoa học kỹ thuật cao, con người phần nào đã chinh phục được tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ theo ý muốn của con người), để rồi trên bối cảnh sinh thái tự nhiên đó, con người trải nghiệm, thể nghiệm, sáng tạo văn hóa và kỹ năng sinh sống của cộng đồng mình dựa trên tâm lý và bản sắc văn hóa của dân tộc. Từ những thành tựu văn hóa có được qua thích nghi môi trường sinh thái tại chỗ, con người có thể hình thành nên những loại hình văn hóa như là một tập hợp những sắc thái văn hóa đặc trưng và tạo nên yếu tố cốt lõi của nền văn hóa. Qua nghiên cứu sinh thái văn hóa, người ta sẽ hiểu được cách con người sử dụng văn hóa để thích nghi với môi trường sinh thái cụ thể (Ngô Thị Phương Lan, 2006)<sup>(8)</sup>. Như vậy sinh thái văn hóa là cách con người sử dụng văn hóa để thích nghi với môi trường thiên nhiên cụ thể trong bối cảnh nền văn hóa của họ.

Trong thuyết chức năng, B. Malinowski chú trọng đến chức năng văn hóa. Khi nghiên cứu đời sống của cư dân đảo Trobriand, học giả này cho rằng việc “đọc thần chú” và “làm bùa phép” của người dân đảo nhằm tâm lý muốn trấn an. Khi đọc thần chú, người thợ sẽ có được sự tự tin để

hoàn thành con thuyền, cũng như khi làm bùa phép thì người đánh cá sẽ an tâm hơn trong việc đối đầu với biển cả. Đối với Malinowski, chức năng dựa vào yếu tố sinh học. Chức năng của các tập tục là để thỏa mãn những nhu cầu sinh học chủ yếu của cá nhân thông qua phương tiện văn hóa (R. Layton, 1997, tr. 28)<sup>(9)</sup>. Thuyết chức năng theo quan điểm của Malinowski có giá trị để giải thích cho nhu cầu về tôn giáo trong đời sống con người và đến nay nếu tiếp cận tôn giáo dưới hình thức nhu cầu của một xã hội, của cộng đồng tộc người thì thuyết chức năng vẫn giữ được giá trị khoa học của nó (Huỳnh Ngọc Thu, 2009, tr. 27-29). Như vậy lễ hội Cúng phước biển (Chrôi Rumchek) của người Khmer ở vùng biển Vĩnh Châu thực chất là cầu no ấm và cầu bình an cho phum, srock, xóm làng, cầu cuộc sống được sung túc. Sở dĩ diễn ra hiện tượng cúng kiếng hay sử dụng biểu tượng *rumchek* (gai nhọn của lá dứa gai) để trừ tà ma là do cộng đồng cư dân này sống ở một môi trường thiên nhiên còn bất trắc, nguy hại. Tuy đây là nghi lễ thế tục của cư dân vùng biển nhưng nó vẫn mang đậm sắc thái nghi thức Phật giáo, vì nơi diễn ra lễ cầu an luôn thờ Đức Phật và nghi thức cúng phải do các vị sư ở chùa thực hiện. Lễ Cúng phước biển được tổ chức tại khuôn viên một ngôi chùa cổ được xây dựng từ năm 1576, đó là chùa Srei Krosăng (người Việt gọi là chùa Cà Săng) ở xã Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Trước đây, một nhà sư Khmer trong chùa là Tà Hu đã từng xây dựng một ngôi tháp (chet đây) trên giồng đất cao hướng ra biển, gần chùa Cà Săng. Do sức tàn phá của thời gian, ngôi tháp không còn nguyên vẹn nữa,

nhưng ngày nay lễ hội Cúng phước biển vẫn tiếp tục diễn ra theo nếp xưa, tại địa điểm ấy vào rằm tháng 2 (Âm lịch) hàng năm. “Chrôi Rumchek” ngày nay được hiểu là lễ hội Cúng phước biển. Lễ hội này ngoài ý nghĩa cầu bình an cho cư dân vùng biển còn có ý nghĩa tạ ơn biển đã ban cho con người nguồn thực phẩm thủy hải sản và sản phẩm nông nghiệp đặc trưng trên giồng (như hành tím, củ cải sa bầu, tỏi...). Trong dịp này người Khmer còn tổ chức bơi ghe ngo trên cạn, múa đá gà... đậm sắc thái văn hóa truyền thống của Khmer.

Người Khmer hầu hết là cư dân nông nghiệp, với đồng bào, hoạt động kinh tế vùng biển không phải là sở trường và cũng không phù hợp với tâm lý và tập quán sinh sống. Tuy nhiên, tại Sóc Trăng, người Khmer do cư trú lâu đời ở vùng biển Vĩnh Châu cùng với người Việt nên đã thích nghi với nếp sống và môi trường biển, ảnh hưởng phong tục thờ cúng cá Ông của ngư dân người Việt. Như tại chùa Khmer Day Tapay (tên Paly là *Srei Prochum Bonso Vansa Koor* và người Việt gọi là chùa Đại Bái) có ngôi mộ an táng cá Ông khi có một cá Ông lụy (chết), trôi dạt vào vùng biển trước cửa chùa vào năm 1990. Đồng bào Khmer tại chùa đã tổ chức an táng cho cá Ông, có các sư trong chùa ra đọc kinh cầu phúc và họ còn làm mô hình cá Ông đắp nổi trên mộ (mộ cao 0,8m, dài 3,6m) vào năm 1992<sup>(10)</sup>. Yếu tố này phải chăng phần nào thể hiện sự giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc Việt-Khmer và cũng thể hiện dấu ấn văn hóa biển độc đáo khi lễ cúng cá Ông ở chùa Day Tapay cũng diễn ra cùng thời gian trong lễ hội Cúng phước biển (Chrôi rumchek). Có lẽ ngôi

mộ cá Ông ở chùa Đại Bái của người Khmer là độc nhất vô nhị tại vùng biển Nam Bộ, ngay cả người Việt cũng chưa thấy có hình thức làm mộ cá Ông độc đáo như thế. Chính hiện tượng tín ngưỡng này đã thể hiện sắc thái *văn hóa biển* khá đa dạng và độc đáo trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo của cộng đồng cư dân Khmer tại Nam Bộ (Phan Thị Yến Tuyết, 2010).

#### 4. KẾT LUẬN

Tóm lại, tuy sống gần biển, sát với biển nhưng người Khmer không có tâm lý hay kỹ năng đánh bắt xa bờ mà chỉ đánh bắt ven biển. Trong tâm thức về biển của người Khmer qua lễ hội Chrôi Rumchek hầu như chỉ tồn tại ý thức cầu bình an, tránh tai họa của loài động vật độc hại dưới biển mà người Khmer xem đó như một thứ tà ma gây hại cho môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội nơi mình sinh sống. Lễ hội Chrôi Rumchek cho thấy người Khmer đã cố gắng thích nghi với môi trường và phụ thuộc vào nó để tồn tại, đây cũng là một cách lý giải hành vi văn hóa của con người đối với môi trường tự nhiên, là một quá trình tương tác giữa văn hóa của cư dân nông nghiệp với môi trường tự nhiên là biển cả. Chính điều này đã xác lập mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, trong đó đặc biệt thể hiện sự giao lưu văn hóa về *văn hóa biển* khi người Khmer cũng thờ cúng cá Ông thành kính như ngư dân người Việt tại vùng biển Nam Bộ. □

#### CHÚ THÍCH

(1) Hiện nay đã có thêm huyện Trần Đề.

(2) *Xiệp* là tên gọi một loại ngư cụ chỉ do một người sử dụng ven bờ biển. *Xiệp* bao gồm hai

cây gọng dài, hai đầu gọng mắc mảnh lưới có chức năng rà sát mặt cát để xúc bắt hải sản nhỏ.

(3) Tài liệu gốc: Nguyễn Phan Quang, tr. 14.

(4) Tài liệu gốc: Lê Hương. 1969. *Người Việt gốc Miên*. Sài Gòn, tr. 229.

(5) Tâm lý sử dụng những loại thực vật có gai nhọn với mục đích trừ tà ma khá phổ quát trong nhiều dân tộc.

(6) Một số loại thực vật có gai nhọn mà người Khmer Nam Bộ thường sử dụng như:

- Thân xương rồng 4 cạnh có gai nhọn tua tủa mà người Khmer gọi là ùm bọn yak (có nghĩa là cây đao của ông chằn) treo ở cửa nhà hay cửa buồng của sản phụ với ý nghĩa vũ khí của chằn sẽ làm tà ma sợ, không dám xâm nhập.

- Lá cây đờm pork sak (còn gọi là lá ắc ó hay lá móc xóc) có hai gai móc rất nhọn nơi cuống lá, được treo thành chùm trong nhà có trẻ con để ngăn ma quỷ vào nhà.

- Lá thil ànọh (lá khóm gai) có nhiều gai nhọn được người Khmer treo từng chùm ở cửa nhà.

- Lá rumchek (dứa gai) treo trong lễ hội để ngăn tà ma làm hại người ở biển...

(7) Trong môi trường ven biển ở Nam Bộ như Sóc Trăng, Kiên Giang... từ xưa tới nay ngư dân thường bị ám ảnh, phải gánh chịu những hậu quả nặng nề bởi sự tấn công của loài động vật từ dưới đất bùn, đất biển chui lên mà người dân địa phương thường gọi là sâu biển, đó là những con vật lưng màu đen phủ đầy gai, bụng trắng, di chuyển dưới nước biển nửa giống sâu, nửa giống con đĩa. Sâu biển thường xuất hiện từ tháng Giêng, khi độ mặn nước biển lên cao, với mật độ ngày càng dày đặc, kéo dài cho đến mùa mưa. Chúng thường bắn gai của chúng vào những ai chạm phải và gây mẩn ngứa, sưng tấy do trúng độc, nên dân đi biển rất sợ vì không sao tránh khỏi. Vào lúc cao điểm, người dân kéo lưới gặp phải sâu biển nhiều hơn cả hải sản. Không ít người bị ám ảnh đã bỏ luôn mẻ cá, thậm chí có người phải bỏ nghề lưới. Tuy chỉ dài 10-15cm, nhưng sâu biển có miệng

rất to và có khả năng nuốt chửng khối lượng thức ăn lớn hơn nhiều so với thân hình của chúng. Nhiều năm liền chúng đã tàn phá vùng nuôi thủy sản gần bờ của ngư dân, gây cho người dân nuôi sò, nuôi hến ở vùng biển điều đưng. Bị sâu biển tàn phá, nhiều gia đình từ chỗ khấm khá đã rơi vào cảnh trắng tay, nợ nần chồng chất. Có năm sâu biển “nuốt” hết trên 70% số hến nuôi trong bãi của gia đình. Có gia đình chỉ trong vài ngày đã bị sâu biển làm mất trắng 50ha nuôi hến. (Tiến Trình, Thanh niên Online, 11/3/2011). Chúng tôi chưa rõ sâu biển trong bài này có phải chính là loại tik al mà người Khmer gọi là con nhện biển hay không.

<sup>(8)</sup> Tài liệu gốc: James Spradley & David W. Mc. Curdy. 2003. *Comformity and Conflict, Reading in Cultural Anthropology*. 11<sup>th</sup> Edition, Pearson Education.

<sup>(9)</sup> Tài liệu gốc: B. Malinowski. 1922. *Argonauts of the Western Pacific: An Account of Native Enterprise and Adventure in the Archipelagoes of Melanesian New Guinea*. London, Routledge.

<sup>(10)</sup> Theo đại đức trụ trì chùa Đại Bái thì cá Ông lúc lụy to và dài hơn hình cá Ông được đắp nổi trên ngôi mộ Cá Ông hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Huỳnh Ngọc Thu. 2009. *Đời sống tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài trong bối cảnh văn hóa Nam Bộ*. Luận án tiến sĩ Lịch sử. Chuyên ngành Dân tộc học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
- Layton, Robert. 1997. *An Introduction to Theory in Anthropology*. Cambridge University Press.
- Lê Hương. 1969. *Người Việt gốc Miên*. Sài Gòn.
- Malinowski, B. 1922. *Argonauts of the Western Pacific: An Account of Native Enterprise and Adventure in the Archipelagoes of Melanesian New Guinea*. London: Routledge.
- Ngô Phương Lan. 2006. *Tri thức dân gian các dân tộc ở Sóc Trăng*. Trong: Văn hóa dân gian các dân tộc ở Sóc Trăng. Đề tài trọng điểm của Đại học Quốc gia TPHCM, do Chu Xuân Diên chủ nhiệm.
- Nguyễn Minh Đức. 2008. *Sinh thái văn hóa - Xu hướng nghiên cứu mới ở Vân Nam, Trung Quốc*. Trong: Kỷ yếu Hội thảo Vai trò của tri thức bản địa trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường ở các cộng đồng dân tộc thiểu số. Viện Văn hóa Nghệ thuật tổ chức tại Ninh Thuận, tháng 3/2008.
- Phan Thị Yến Tuyết. 2010. *Tín ngưỡng tôn giáo của người Khmer tỉnh Sóc Trăng*. Trong: *Địa chí tỉnh Sóc Trăng* (Bản thảo chưa xuất bản).
- Spradley James & David W. Mc. Curdy. 2003. *Comformity and Conflict*. Reading in Cultural Anthropology. 11<sup>th</sup> edition. Pearson Education.
- Võ Công Nguyên. 2010. *Một số loại hình kinh tế truyền thống của các cộng đồng cư dân đa tộc người vùng đất giồng ven biển Đông Đồng bằng sông Cửu Long (Trường hợp cộng đồng cư dân đa tộc người xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng)*. Tham luận tọa đàm đề tài *Những vấn đề văn hóa xã hội của cư dân vùng biển Nam Bộ*. Chủ nhiệm đề tài: Phan Thị Yến Tuyết, ngày 16/10/2010 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
- Viện Nghiên cứu Văn hóa-Nghệ thuật Việt Nam, Phân viện tại TPHCM. 2002. Huỳnh Ngọc Trảng (Chủ nhiệm). *Sổ tay hành hương - Đất Phương Nam*. TPHCM: Nxb. TPHCM.